

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MD03237**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thiết kế trình diễn trên máy tính**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354802034805	Võ Trường An	30/08/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2354802034806	Dương Kiều Anh	03/09/2008			8.5	8.5	9.0	8.0			8.8		8.7
3	2354802034807	Lê Phạm Quốc Anh	22/12/2008			9	9	5.0	8.5			8.3		8.0
4	2354802034808	Phan Thị Kim Anh	28/09/2008			9	8.5	6.0	8.5			8.0		7.9
5	2354802034809	Đặng Hoàng Chánh	25/01/2008			9	8.5	8.0	8.5			7.5		7.9
6	2354802034810	Huang Jiang Cheng	07/05/2008			6	5	5.0	7.0			7.0		6.5
7	2354802034811	Nguyễn Bùi Kim Duyên	14/02/2008			9	9	8.5	8.5			9.0		8.9
8	2354802034812	Ngô Quốc Đại	24/03/2008			9	9	9.0	9.5			9.8		9.5
9	2354802034813	Bùi Hải Đăng	10/05/2008			8.5	5	5.0	7.0			7.3		6.9
10	2354802034814	Đỗ Hữu Hậu	21/01/2004			8.5	9.5	9.0	8.5			8.8		8.8
11	2354802034815	Nguyễn Quốc Hòa	11/06/2008			5	8.5	5.0	5.0			0.0		2.2
12	2354802034816	Dương Văn Hoàng	08/12/2008			8	9	8.5	8.5			8.5		8.5
13	2354802034817	Phạm Thị Thu Hồng	18/07/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2354802034818	Mai Quốc Huy	22/09/2008			9	10	9.0	9.5			9.8		9.6
15	2354802034819	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	27/04/2008			9	9	9.0	8.5			9.5		9.2
16	2354802034820	Nguyễn Minh Kha	23/05/2008			9	9	9.0	9.5			9.3		9.2
17	2354802034821	Trần Dương Khang	15/02/2008			8.5	9.5	8.5	8.5			8.0		8.3
18	2354802034822	Trần Huỳnh Duy Khang	05/02/2006			5	10	6.0	8.5			8.5		8.0
19	2354802034823	Lê Hữu Toàn Khoa	24/09/2008			8.5	8	8.5	9.0			9.8		9.3
20	2354802034824	Phạm Anh Khoa	03/07/2007			8	9.5	9.0	9.5			9.8		9.5
21	2354802034825	Nguyễn Nhã Kỳ	13/03/2008			8.5	9.5	9.5	9.5			9.5		9.4
22	2354802034826	Nguyễn Thư Kỳ	30/10/2008			8.5	9	9.5	9.0			9.5		9.3
23	2354802034827	Bùi Thị Huỳnh Lê	28/05/2008			8	8.5	9.0	8.0			7.0		7.6
24	2354802034828	Lê Thị Thanh Ngân	28/08/2004			9	9.5	9.5	9.5			10.0		9.8
25	2354802034829	Trịnh Anh Ngọc	23/01/2008			9	9	8.5	8.0			9.3		9.0
26	2354802034830	Bùi Huỳnh Phúc Nguyên	02/06/2008			9	10	5.0	5.0			9.3		8.2
27	2354802034831	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	07/07/2007			9	9.5	9.0	9.0			10.0		9.6
28	2354802034832	Trần Anh Pháp	22/07/2007			8	9.5	9.0	9.0			9.3		9.1
29	2354802034833	Huỳnh Thanh Phong	08/07/2008			7	7	8.0	5.0			7.5		7.2
30	2354802034834	Dương Thiện Phúc	14/08/2008			7.5	8.5	8.5	9.0			7.3		7.8
31	2354802034835	Khru Từ Thiên Phụng	25/04/2003			9.5	8	8.0	8.0			8.3		8.3
32	2354802034836	Phạm Thị Quỳnh Phương	11/11/2008			9	9	9.5	9.5			9.5		9.4
33	2354802034837	Đồng Văn Quý	17/01/2008			8.5	8	6.0	7.0			5.8		6.3
34	2354802034838	Nguyễn Mai Phương Quyên	19/02/2008			9.5	9.5	8.5	9.0			9.3		9.2
35	2354802034839	Huỳnh Nhật Tân	18/01/2008			9.5	10	9.5	9.5			9.8		9.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 16 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Phong